

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833102] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (FMS) (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)

Số SV có mặt:.....18...
Số bài thi:18...
Số tờ giấy thi:.....18...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		<i>Diệu</i>	7.9	7.0	7.4
2	2122150036	Nguyễn Khắc Nam Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Hồng</i>	5.5	1.0	2.8
3	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		<i>Lễ</i>	6.1	6.5	6.3
4	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		<i>Nhã</i>	9.0	9.0	9.0
5	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B		<i>Quân</i>	8.3	8.0	8.1
6	2122150017	Trần Khánh Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Quốc</i>	7.8	8.0	7.9
7	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		<i>Tài</i>	7.7	8.3	8.1
8	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tân	11/06/2004	CCQ2215B		<i>Tân</i>	9.0	8.8	8.9
9	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	7.6	8.0	7.8
10	2122150025	Phan Ngọc Thông	21/03/2004	CCQ2215B		<i>Thông</i>	8.8	8.3	8.5
11	2122150006	Nguyễn Thành Tính	20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tính</i>	9.3	9.0	9.1
12	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B		<i>Trí</i>	7.8	7.8	7.8
13	2122150042	Đặng Công Trình	26/04/2004	CCQ2215B		<i>Trình</i>	8.6	8.5	8.5
14	2122150031	Nguyễn Minh Trực	17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trực</i>	9.0	9.0	9.0
15	2122150030	Hồ Quang Trung	28/10/2004	CCQ2215B		<i>Trung</i>	8.6	8.5	8.5
16	2122150014	Nguyễn Văn Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		<i>Truyền</i>	7.1	4.0	5.2
17	2122150096	Tô Tuấn Việt	14/10/2004	CCQ2215B		<i>Việt</i>	9.0	8.5	8.7
18	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ	19/10/2003	CCQ2215B		<i>Vũ</i>	7.7	7.5	7.6